

VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **06** /2026/VBHN-NQ-HĐND

Hà Nội, ngày **05** tháng **10** năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Về việc quy định một số chính sách, nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố

Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về việc quy định một số chính sách, nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, được sửa đổi, bổ sung, thay thế, hết hiệu lực một phần, bãi bỏ bởi:

1. Nghị quyết số 15/2019/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định chính sách hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và chính sách hỗ trợ, chế độ đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tại các cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn thành phố Hà Nội theo quy định tại Thông tư 124/2018/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.

2. Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định một số nội dung chi, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội, có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 2021.

3. Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định một số nội dung chi, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội, có hiệu lực từ ngày 06 tháng 07 năm 2022.

4. Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định một số nội dung chi, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 07 năm 2023.

5. Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định một số nội dung và mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 12 năm 2023.

6. Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm

quyền của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2025.

7. Nghị quyết số 08/2026/NQ-HĐND ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định nội dung chi, mức chi chuẩn bị, tổ chức một số kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông của thành phố Hà Nội, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 05 năm 2026.

8. Nghị quyết số 76/2026/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Phụ lục 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội và Phụ lục 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 23 tháng 09 năm 2021 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố, có hiệu lực từ kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

9. Nghị quyết số 82/2026/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định một số chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao Hà Nội tham gia tập trung tập huấn, thi đấu, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHÓA XV KỲ HỌP THỨ 3

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 9/9/2016 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Căn cứ Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu;

Căn cứ Quyết định số 2151/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình xúc tiến du lịch quốc gia giai đoạn 2013-2020;

Căn cứ Quyết định số 82/2013/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao xuất sắc;

Căn cứ Quyết định số 03/2014/QĐ-TTg ngày 14/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế quản lý nhà nước đối với hoạt động xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1640/QĐ-TTg ngày 18/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở cai nghiện ma túy đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 26/4/2012 của Liên Bộ: Tài chính - Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về nội dung, mức chi, công tác quản lý tài chính thực hiện xây dựng ngân hàng câu lạc bộ, tổ chức các kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham dự các kỳ thi Olympic quốc tế và khu vực;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 79/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 21/5/2012 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định nội dung và mức chi hoạt động hội giảng giáo viên dạy nghề và hội thi thiết bị dạy nghề tự làm;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 149/2012/TTLT/BTC-BLĐTBXH-BVHTTDL ngày 12/9/2012 của Liên Bộ: Tài chính, Lao động Thương binh và Xã hội, Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 24/10/2014 của Liên Bộ: Lao động Thương binh và Xã hội- Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư số 171/2014/TT-BTC ngày 14/11/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước để thực hiện chương trình Xúc tiến thương mại quốc gia;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 163/2014/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 12/11/2014 của liên Bộ: Tài chính-Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính chương trình xúc tiến du lịch quốc gia giai đoạn 2013-2020;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của liên Bộ: Tài chính - Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 90/2015/TTLT-BTC-BKHĐT ngày 15/06/2015 của liên Bộ: Tài chính-Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn cơ chế quản lý về tài chính đối với hoạt động xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính về quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia;

Xét Tờ trình số 141/TTr-UBND ngày 23/11/2016 của UBND Thành phố về một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo thẩm tra của các Ban: Kinh tế - Ngân sách, Văn hóa xã hội; báo cáo giải trình, tiếp thu số 223/BC-UBND ngày 05/12/2016 của UBND Thành phố, ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp¹.

¹ - Nghị quyết số 15/2019/NQ-HĐND có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 có căn cứ ban hành như sau:
 “Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
 Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;
 Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;
 Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BCA ngày 10/02/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 94/2010/NĐ-CP ngày 9/9/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng;
 Căn cứ Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;
 Căn cứ Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 17/5/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02/12/2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện; Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh;
 Căn cứ Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20/12/2018 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện.
 Xét Tờ trình số 260/TTr-UBND ngày 20/11/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Nghị quyết “Quy định chính sách hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và chính sách hỗ trợ; chế độ đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn thành phố Hà Nội theo quy định tại Thông tư số 124/2018/TT-BTC”; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa Xã hội HĐND Thành phố; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp”.
 - Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 12 năm 2021 có căn cứ ban hành như sau:
 “Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
 Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
 Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;
 Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
 Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;
 Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;
 Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;
 Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 05 tháng 12 năm 2007;
 Căn cứ Luật Đề điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;
 Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018;
 Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật sở hữu trí tuệ ngày 14 tháng 6 năm 2019;
 Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013;
 Căn cứ Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội;
 Căn cứ Nghị định số 32/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 ngày 11 tháng 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 ngày 9 tháng 2020 của Chính phủ quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 quy định chế độ trợ cấp, phụ cấp đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy và cơ sở trợ giúp xã hội công lập;

Căn cứ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc; chứng thực bản sao từ bản chính; chứng thực chữ ký; chứng thực hợp đồng, giao dịch;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa và Nghị định số 74/2018/BNĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đề điều;

Căn cứ Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số;

Căn cứ Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; Quyết định số 732/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025”;

Căn cứ Thông tư số 83/2021/TT-BTC ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí tập huấn, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 75/2021/TT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về tài chính thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 68/2020/TT-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí chi thường xuyên thực hiện duy tu, bảo dưỡng đề điều và xử lý cấp bách sự cố đề điều;

Căn cứ Thông tư số 35/2021/TT-BTC ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông; Thông tư số 28/2019/TT-BTC ngày 21 tháng 5 năm 2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 63/2017/TT-BTC ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đảm bảo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 Bộ Tài chính về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Liên Bộ: Tài chính - Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao;

Xét Tờ trình số 311/TTr-UBND 01 tháng 12 năm 2021 của UBND Thành phố về việc quy định một số nội dung chi, mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố; Tờ trình số 298/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc phê duyệt nội dung, nhiệm vụ chi duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố để điều chỉnh hệ thống để điều chỉnh do thành phố Hà Nội quản lý; Báo cáo thẩm tra số 99/BC-KTNS ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Ban Kinh tế và Ngân sách; các Báo cáo thẩm tra số: 118/BC-VHXX, 119/BC-VHXX, 120/BC-VHXX, 121/BC-VHXX ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Ban Văn hóa - Xã hội; các Báo cáo thẩm tra số: 86/BC-PC, 87/BC-PC, 88/BC-PC ngày 02 tháng 12 năm 2021, 115/BC-PC ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Ban Pháp chế; các Báo cáo giải trình, tiếp thu số: 355/BC-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2021, 370/BC-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận và biểu quyết của đại biểu HĐND Thành phố tại kỳ họp.”

- Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 7 năm 2022 có căn cứ ban hành như sau:
 “Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
 Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
 Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;
 Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
 Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;
 Căn cứ Nghị định số 134/2015/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BHXH về BHXH tự nguyện;
 Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;
 Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;
 Căn cứ Thông tư số 09/2012/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 11 năm 2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về tổ chức giải thi đấu thể thao quần chúng;
 Căn cứ Thông tư số 01/2016/TT-BLĐTBXH ngày 18 tháng 02 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện;
 Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BVHTTDL ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về tổ chức thi, liên hoan văn nghệ quần chúng;
 Căn cứ Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông;
 Căn cứ Thông tư số 29/2021/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí thẩm định sách giáo khoa giáo dục phổ thông;
 Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;
 Xét Tờ trình số 200/TTr-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo thẩm tra số 32/BC-VHXX ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND Thành phố; Báo cáo giải trình, tiếp thu số 243/BC-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận và biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp”
 - Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 7 năm 2023 có căn cứ ban hành như sau:
 “Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
 Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;
 Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;
 Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;
 Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
 Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;
 Căn cứ Luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019;
 Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;
 Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 30 tháng 3 năm 2021;
 Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;
 Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 27/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú”;

Căn cứ Nghị định số 41/2015/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc Nhân dân”, “Thầy thuốc Ưu tú”;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về Khuyến nông;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc Điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước;

Căn cứ Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chi tiết chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên thể thao thành tích cao, vận động viên thể thao thành tích cao;

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ Tài chính về quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban Dân tộc Hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc Điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 61/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Thực hiện Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Xét các Tờ trình: số 188/TTr-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2023; số 196/TTr-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2023; số 209/TTr-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2023; số 210/TTr-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2023; số 207/TTr-UBND

ngày 16 tháng 6 năm 2023; số 226/TTr-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2023; số 269/TTr-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp”

- Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 12 năm 2023 có căn cứ ban hành như sau:
“Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Người khuyết tật ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Trẻ em ngày 05 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 30 tháng 3 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Xét các Tờ trình số 464/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2023; số 463/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2023; số 460/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2023; số 459/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2023; số 483/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2023; số 448/TTr-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2023; số 447/TTr-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố; Báo cáo thẩm tra của các Ban HĐND Thành phố; các Báo cáo giải trình, tiếp thu của Ủy ban nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận và biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.”

- Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2025 có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 30 tháng 3 năm 2021;

Căn cứ Luật Thủ đô ngày 28 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 105/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống ma túy;

Căn cứ Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Căn cứ Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Xét Tờ trình số 109/TTr-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc đề nghị ban hành Nghị quyết “Quy định công tác quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú và hỗ trợ người được phân công giúp đỡ người được giáo dục tại cấp xã; nội dung, mức chi đặc thù trong công tác cai nghiện ma túy tại các Cơ sở cai nghiện ma túy công lập; nội dung, mức chi đặc thù cho lực lượng chuyên trách, thực hiện phòng, chống ma túy thuộc các cơ quan chuyên trách, thực hiện nhiệm vụ phòng, chống ma túy trên địa bàn thành phố Hà Nội”; Báo cáo thẩm tra số 26/BC-BPC ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo giải trình, tiếp thu số 144/BC-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp;”

- Nghị quyết số 08/2026/NQ-HĐND có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 5 năm 2026 có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủ đô số 39/2024/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Xét Tờ trình số 107/TTr-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi chuẩn bị, tổ chức một số kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông của thành phố Hà Nội và Tờ trình số 121/TTr-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc bổ sung nội dung Tờ trình số 107/TTr-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố; báo cáo thẩm tra số 45/BC-VHXXH ngày 08 tháng 5 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố; báo cáo giải trình, tiếp thu số 156/BC-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp;”

- Nghị quyết số 76/2026/NQ-HĐND có hiệu lực từ kể từ ngày 25 tháng 07 năm 2026 có căn cứ ban hành như sau: “Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 109/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc Điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 37/2022/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc Điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia;

Xét Tờ trình số 309/TTr-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Phụ lục 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 và Phụ lục 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 23/09/2021 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo thẩm tra số 74/BC-BKTNS ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.”

- Nghị quyết số 82/2026/NQ-HĐND có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026 có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 26/2018/QH14;

Căn cứ Nghị định số 349/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu;

Căn cứ Thông tư số 140/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí;

Xét Tờ trình số 288/TTr-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Nghị quyết quy định một số chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao Hà Nội tham gia tập trung tập huấn, thi đấu; Báo cáo thẩm tra số 104/BC-BVHXXH ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội; Báo cáo giải trình, tiếp thu số 324/BC-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội tại kỳ họp;”

- Nghị quyết số 15/2019/NQ-HĐND ngày 04/12/2019 có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BCA ngày 10/02/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 94/2010/NĐ-CP ngày 9/9/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng;

Căn cứ Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Căn cứ Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 17/5/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02/12/2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện; Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định một số chính sách, nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân Thành phố:

1. Quy định nội dung và mức chi của các cuộc điều tra thống kê do ngân sách Thành phố bảo đảm (*Chi tiết tại phụ lục số 01 kèm theo*)².

2.³ (*được bãi bỏ*).

3. Quy định nội dung và mức chi tổ chức các kỳ thi ngành giáo dục và đào tạo thành phố Hà Nội (*Chi tiết tại phụ lục số 03 kèm theo*)⁴.

4. Quy định chi khác cho đối tượng bảo trợ xã hội đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại các Trung tâm Bảo trợ xã hội trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Hà Nội (*Chi tiết tại phụ lục số 04 kèm theo*).

Căn cứ Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20/12/2018 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện.

Xét Tờ trình số 260/TTr-UBND ngày 20/11/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Nghị quyết “Quy định chính sách hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và chính sách hỗ trợ; chế độ đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn thành phố Hà Nội theo quy định tại Thông tư số 124/2018/TT-BTC”; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa Xã hội HĐND Thành phố; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.”

- Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND ngày 29/4/2025 có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 30 tháng 3 năm 2021;

Căn cứ Luật Thủ đô ngày 28 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 105/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống ma túy;

Căn cứ Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Căn cứ Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Xét Tờ trình số 109/TTr-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc đề nghị ban hành Nghị quyết “Quy định công tác quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú và hỗ trợ người được phân công giúp đỡ người được giáo dục tại cấp xã; nội dung, mức chi đặc thù trong công tác cai nghiện ma túy tại các Cơ sở cai nghiện ma túy công lập; nội dung, mức chi đặc thù cho lực lượng chuyên trách, thực hiện phòng, chống ma túy thuộc các cơ quan chuyên trách, thực hiện nhiệm vụ phòng, chống ma túy trên địa bàn thành phố Hà Nội”; Báo cáo thẩm tra số 26/BC-BPC ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo giải trình, tiếp thu số 144/BC-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp;”

² Khoản này được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Nghị quyết 06/2023/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 7 năm 2023 và Nghị quyết số 76/2026/NQ-HĐND ngày 15/7/2026, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

³ Khoản này được bãi bỏ bởi khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 7 năm 2023.

⁴ Biểu số 01, 02, 04 Phụ lục 03 của khoản này được thay thế bởi Nghị quyết số 08/2026/NQ-HĐND ngày 11/05/2026, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 5 năm 2026; Biểu số 03 Phụ lục 03 của khoản này được thay thế bởi khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND, có hiệu lực từ ngày 06 tháng 7 năm 2022.

5. ⁵(*được bãi bỏ*).

6. Quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ từ ngân sách Thành phố để thực hiện Chương trình xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch thành phố Hà Nội (Chi tiết tại phụ lục số 06 kèm theo).

7. ⁶(*hết hiệu lực*).

Điều 2. Điều khoản thi hành⁷

⁵ Tiểu mục a, b, c mục 3 Phụ lục 05 kèm theo khoản này bị thay thế bởi Nghị quyết 15/2019/NQ-HĐND, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2020; được sửa đổi bởi Nghị quyết 13/2023/NQ-HĐND, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 12 năm 2023; được bãi bỏ bởi Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2025, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2025.

⁶ Khoản này hết hiệu lực bởi Nghị quyết số 82/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026

⁷ - Điều 4 Nghị quyết số 15/2019/NQ-HĐND có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 quy định như sau:

“Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này thay thế quy định về mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng tại tiểu mục 3.4 mục 3 Phụ lục số 05 Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 03/7/2017 của HĐND Thành phố; thay thế nội dung tiền ăn, tiền vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết, tiền thuốc cắt cơn và chữa bệnh thông thường, xét nghiệm phát hiện chất ma túy, chế độ miễn kinh phí đối với người cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy tại tiểu mục a, b, c mục 3 Phụ lục số 05 Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND Thành phố (các tiểu mục, mục thay thế, bãi bỏ chi tiết tại phụ lục 01 kèm theo).

2. Thực hiện các chính sách hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập đến hết năm 2020 theo Đề án thí điểm do Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng trên cơ sở Hướng dẫn chuyên môn của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội.

3. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết.

4. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND thành phố Hà Nội khóa XV kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 04/12/2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2020./.”

- Điều 2 Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 12 năm 2021 quy định như sau:

“Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát thực hiện Nghị quyết

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam các cấp, Thường trực Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân các quận, huyện, thị xã tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật quy định viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản quy phạm pháp luật mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 12 năm 2021./.”

- Điều 4, Điều 5 Nghị quyết số 76/2026/NQ-HĐND có hiệu lực từ kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026 quy định như sau:

“Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội:

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này;

b) Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội để xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị quyết cho phù hợp.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội phối hợp tuyên truyền và tham gia giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

2. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng các văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVII, nhiệm kỳ 2026-2031, kỳ họp thứ Năm thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2026”

- Điều 4, Điều 5 Nghị quyết số 08/2026/NQ-HĐND có hiệu lực từ ngày 11 tháng 5 năm 2026 quy định như sau:

“Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:

Tổ chức thực hiện Nghị quyết; chỉ đạo làm tốt công tác tuyên truyền về Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi chuẩn bị, tổ chức một số kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông của thành phố Hà Nội; chịu trách nhiệm về tính khách quan, chính xác của các số liệu trong hồ sơ trình.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội phối hợp tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 5 năm 2026.

2. Nghị quyết này thay thế Phụ lục 07 ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc quy định một số nội dung và mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội và Phụ lục 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố.

3. Bãi bỏ Phụ lục 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVII, kỳ họp thứ hai thông qua ngày 11 tháng 5 năm 2026./.”

- Điều 2 Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 7 năm 2022 quy định như sau:

“Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng các văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp thành phố Hà Nội tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 6 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực thi hành từ ngày 16/7/2022 và thay thế Biểu số 03 Phụ lục 03 (quy định nội dung và mức chi tổ chức kỳ thi nghề phổ thông) ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc quy định một số chính sách, nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố./.”

- Điều 2, 3 Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 7 năm 2023 quy định như sau:

“Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:

Tổ chức thực hiện Nghị quyết này; rà soát bãi bỏ các quy định đã ban hành trước đây không còn phù hợp với quy định tại Nghị quyết này và các quy định pháp luật có liên quan;

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp thành phố Hà Nội tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này bãi bỏ các quy định sau:

- Các nội dung, mức chi quy định tại tiểu mục 3.3 mục 3 Phụ lục 05 Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 03/7/2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về việc quy định một số nội dung chi, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố.

- Mức hỗ trợ và đóng góp tiền ăn, tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 2 và khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 15/2019/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định chính sách hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và chính sách hỗ trợ, chế độ đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn thành phố Hà Nội theo quy định tại Thông tư số 124/2018/TT-BTC;

- Phụ lục 02 quy định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách của thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định một số chính sách, nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố.

2. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng các văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Nghị quyết được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 04 tháng 7 năm 2023./”

- Điều 2 Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 12 năm 2023 quy định như sau:

“Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:

Tổ chức thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng đối tượng, đúng chính sách, đúng quy định và công khai, minh bạch, tránh các tiêu cực có thể xảy ra.

Tăng cường công tác tuyên truyền, thông báo công khai, rộng rãi nội dung chính sách hỗ trợ để các cá nhân, tổ chức biết, thực hiện. Tổ chức kiểm tra, giám sát và kịp thời xử lý các vi phạm trong việc thực hiện chính sách.

Trong quá trình thực hiện Nghị quyết, nếu phát sinh khó khăn vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, Ủy ban nhân dân Thành phố kịp thời tổng hợp, báo cáo HĐND Thành phố để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân và tham gia giám sát tổ chức thực hiện.

4. Nghị quyết được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2023 có hiệu lực từ ngày 16 tháng 12 năm 2023./”

- Điều 4 Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2025 quy định như sau:

“Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2025.

2. Bãi bỏ khoản 5 Điều 1 và Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố; khoản 9 Điều 1 và Phụ lục số 09 ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố; khoản 1, 2 Điều 1 và Phụ lục số 01, 02, 03 ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố.

3. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện các quy định của Nghị quyết. Trong quá trình thực hiện Nghị quyết, nếu phát sinh vướng mắc, UBND Thành phố cần kịp thời tổng hợp, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố để sửa đổi, bổ sung các quy định cho phù hợp với tình hình thực tiễn triển khai tại Thành phố Hà Nội.

4. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, Kỳ họp thứ 22 thông qua ngày 29 tháng 4 năm 2025./”

- Điều 11, Điều 12, Điều 13 Nghị quyết số 82/2026/NQ-HĐND hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026 quy định như sau:

“Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này bảo đảm đúng đối tượng, đúng chế độ, công khai, minh bạch; thực hiện sơ kết, tổng kết việc thi hành Nghị quyết theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân Thành phố;

b) Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội kịp thời tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị quyết cho phù hợp.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội phối hợp tuyên truyền và tham gia giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

2. Các quy định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao đạt thành tích cao trong các giải thi đấu quốc tế, khu vực, quốc gia của thành phố Hà Nội;

b) Phụ lục số 08 ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định nội dung và mức chi để thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao;

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết. Trong quá trình thực hiện, yêu cầu lưu ý một số nội dung:

(a) Xác định các cuộc điều tra thống kê do ngân sách Thành phố đảm bảo trên nguyên tắc hiệu quả, tiết kiệm, không trùng lặp với các cuộc điều tra của Trung ương trên địa bàn và chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tuân thủ đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước trong lập, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí các cuộc điều tra thống kê này.

(b) Chỉ đạo xác định các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố phải trên cơ sở thiết thực, trực tiếp giải quyết được những yêu cầu thực tiễn của Thành phố, không trùng lặp với các đề tài, dự án đã được các cơ quan, đơn vị của Trung ương nghiên cứu thành công; đồng thời, việc quản lý kinh phí ngân sách Thành phố chỉ cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của địa phương phải được đổi mới theo hướng hiệu quả hơn.

(c) Chỉ đạo đổi mới công tác xây dựng kế hoạch, chương trình xúc tiến và phương thức tổ chức thực hiện các chương trình xúc tiến đảm bảo hiệu quả, thiết thực; thu hút thêm nguồn lực ngoài ngân sách cho các hoạt động xúc tiến.

(d) Xây dựng và ban hành chính sách ưu tiên tuyển dụng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao đạt thành tích cao tại các kỳ thi đấu quốc tế, khu vực, quốc gia về công tác tại các cơ sở giáo dục, đơn vị thể dục thể thao của Thành phố.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các ban Hội đồng nhân dân Thành phố, các tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XV, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 08/12/2016 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017./.

c) Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định chi tiết mức chi chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao của thành phố Hà Nội;

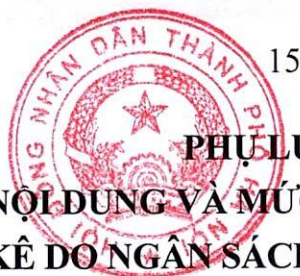
d) Mục 2.1 khoản 2 phần III Phụ lục số 10 ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định một số nội dung, mức chi tập huấn, thi đấu và thuê chuyên gia huấn luyện các đội tuyển thể thao Hà Nội.

3. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 13. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với chế độ, chính sách, nhiệm vụ tập huấn, thi đấu, hồ sơ thanh toán, quyết toán kinh phí và chế độ tiền thưởng đã phát sinh trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật đang áp dụng tại thời điểm phát sinh.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVII, nhiệm kỳ 2026-2031, kỳ họp thứ Năm thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2026./."

**PHỤ LỤC 01****QUY ĐỊNH NỘI DUNG VÀ MỨC CHI CỦA CÁC CUỘC ĐIỀU TRA
THỐNG KÊ DO NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ BẢO ĐẢM**

*(Kèm theo Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016
của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)*

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định các nội dung chi và mức chi thực hiện các cuộc Điều tra thống kê nhằm thu thập thông tin có tính chất đặc thù phục vụ yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố được Chủ tịch UBND Thành phố quyết định do ngân sách Thành phố bảo đảm theo quy định của Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015.

2. Đối tượng áp dụng

Các cá nhân, cơ quan, đơn vị liên quan đến cuộc Điều tra thống kê do ngân sách Thành phố bảo đảm.

3. Các nội dung và mức chi của các cuộc Điều tra thống kê do ngân sách Thành phố bảo đảm

3.1. Hỗ trợ cơ quan chủ trì tổ chức Điều tra thống kê xây dựng phương án Điều tra thống kê, lập mẫu phiếu Điều tra thống kê và tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả Điều tra thống kê theo phương thức khoán. Mức khoán (đã bao gồm chi hội nghị, họp hội đồng thẩm định, nghiệm thu, chi thuê chuyên gia chọn mẫu Điều tra thống kê và các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến phương án Điều tra thống kê, lập mẫu phiếu Điều tra thống kê và tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả Điều tra thống kê) như sau:

a) Chi xây dựng phương án Điều tra thống kê và lập mẫu phiếu Điều tra thống kê: Tối đa 30 triệu đồng;

b) Chi tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả Điều tra thống kê: Tối đa 10 triệu đồng.

Tùy theo quy mô, tính chất của cuộc Điều tra thống kê, Thủ trưởng cơ quan chủ trì tổ chức Điều tra thống kê quyết định mức khoán cụ thể đối với mỗi hoạt động nêu trên cho phù hợp. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao khoán được quyết định nội dung và mức chi trong phạm vi kinh phí được giao khoán để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ.

3.2. Chi xây dựng sổ tay nghiệp vụ cho Điều tra viên thống kê theo quyết định của cấp có thẩm quyền: Nội dung và mức chi áp dụng theo quy định về chi biên soạn giáo trình môn học theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học,

giáo dục nghề nghiệp⁸.

3.3. Chi in tài liệu hướng dẫn Điều tra thống kê, sổ tay nghiệp vụ cho Điều tra viên thống kê, phiếu Điều tra thống kê, biểu mẫu Điều tra thống kê, xuất bản ấn phẩm Điều tra thống kê (nếu có): Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu mua sắm thường xuyên nhằm duy trì hoạt động của các cơ quan, đơn vị của nhà nước.

3.4. Chi tập huấn nghiệp vụ điều tra thống kê các cấp: Nội dung và mức chi thực hiện theo chế độ chi hội nghị được quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 04 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC và Phụ lục 03 quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị của thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của HĐND Thành phố quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với cơ quan, đơn vị của Thành phố được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND⁹.

3.5. Chi tiền công:

a) Tiền công thuê ngoài:

- Các nội dung chi thuê ngoài: Rà soát, lập danh sách đối tượng được Điều tra thống kê (chỉ thực hiện trong trường hợp cần thiết phải thuê ngoài đối với cuộc Điều tra thống kê được tiến hành Điều tra thống kê lần đầu tiên hoặc các cuộc Điều tra thống kê có thay đổi về đối tượng được Điều tra thống kê theo quy định của phương án Điều tra thống kê), thu thập số liệu Điều tra thống kê, phúc tra phiếu Điều tra thống kê, phiên dịch tiếng dân tộc kiêm dẫn đường, thuê người dẫn đường không phải phiên dịch.

- Về mức chi: Mức tiền công bình quân thuê ngoài để thực hiện các công việc nêu trên được tính theo mức tiền lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm tiến hành Điều tra thống kê. Trong phạm vi dự toán được giao, tùy vào địa bàn cụ thể, cơ quan chủ trì Điều tra thống kê quyết định mức thanh toán tiền công thực hiện các công việc nêu trên cho phù hợp.

Riêng đối với tiền công của người dẫn đường không phải phiên dịch: Mức chi bằng 70% mức tiền công thuê người phiên dịch kiêm dẫn đường.

b) Trường hợp cán bộ, công chức được giao nhiệm vụ thống kê tại xã, phường tham gia rà soát, lập danh sách đơn vị được điều tra thống kê, thu thập số liệu điều tra thống kê, phúc tra phiếu điều tra thống kê được chi hỗ trợ bằng 50%

⁸ Được sửa đổi, bổ sung tại Mục 1 Phụ lục 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 7 năm 2023

⁹ Được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục 02 Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 7 năm 2023 và Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 76/2026/NQ-HĐND ngày 15 tháng 07 năm 2026, có hiệu lực từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

mức tiền công thuê điều tra viên thống kê quy định tại điểm a khoản 3.5, Mục 3, Phụ lục này.¹⁰

c) Trường hợp cuộc Điều tra thống kê có nội dung Điều tra chuyên sâu, phức tạp, không sử dụng Điều tra viên thống kê thuê ngoài mà sử dụng công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị để thực hiện Điều tra thống kê thì được thanh toán không quá 50% mức tiền công thuê Điều tra viên thống kê quy định tại điểm a khoản 3.5, Mục 3, Phụ lục này.

Đối với trường hợp công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị thực hiện Điều tra thống kê ngoài giờ hành chính thì được thanh toán tối đa không quá mức tiền công thuê Điều tra viên thống kê quy định tại điểm a khoản 3.5, Mục 3, Phụ lục này và không được thanh toán tiền lương làm ngoài giờ, phụ cấp công tác phí.

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thực hiện Điều tra thống kê quyết định cử người có chuyên môn nghiệp vụ thống kê, có kinh nghiệm khai thác thông tin tham gia thu thập thông tin Điều tra thống kê, phúc tra phiếu Điều tra thống kê (ngoài nhiệm vụ thường xuyên) theo yêu cầu của phương án Điều tra thống kê.

d) Căn cứ phương án Điều tra thống kê được phê duyệt, thủ trưởng cơ quan chủ trì tổ chức Điều tra thống kê thực hiện khoán tiền công Điều tra thống kê quy định tại điểm a, b và c khoản này theo số phiếu Điều tra thống kê phù hợp với địa bàn Điều tra thống kê. Việc thanh toán tiền cho Điều tra viên thống kê căn cứ biên bản nghiệm thu số lượng, chất lượng phiếu Điều tra thống kê và số tiền công theo phiếu Điều tra thống kê.

3.6. Chi công tác kiểm tra, giám sát hoạt động điều tra thống kê, phúc tra phiếu điều tra thống kê: Nội dung và mức chi thực hiện theo chế độ công tác phí quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC và Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND.¹¹

3.7. Chi cho đối tượng cung cấp thông tin; mức chi cụ thể như sau:

a) Đối với cá nhân:

- Dưới 30 chỉ tiêu hoặc 30 chỉ tiêu: Tối đa 40.000 đồng/phiếu.
- Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu: Tối đa 50.000 đồng/phiếu.
- Trên 40 chỉ tiêu: Tối đa 60.000 đồng/phiếu.

b) Đối với tổ chức (không bao gồm các cơ quan, đơn vị của nhà nước thực hiện cung cấp thông tin theo quy định):

¹⁰ Được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 76/2026/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2026, có hiệu lực từ ngày 25 tháng 07 năm 2026.

¹¹ Được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục số 02 Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 7 năm 2023 và khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 76/2026/NQ-HĐND ngày 15 tháng 07 năm 2026, có hiệu lực từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

- Dưới 30 chỉ tiêu hoặc 30 chỉ tiêu: Tối đa 85.000 đồng/phiếu.
- Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu: Tối đa 100.000 đồng/phiếu.
- Trên 40 chỉ tiêu: Tối đa 115.000 đồng/phiếu.

c) Đối với tổ chức là cơ quan, đơn vị của nhà nước thực hiện cung cấp thông tin theo quy định: Căn cứ vào hình thức cung cấp thông tin, cơ quan chủ trì tổ chức Điều tra thống kê quyết định mức hỗ trợ cụ thể cho phù hợp. Trường hợp đối tượng cung cấp thông tin là các cơ quan, đơn vị của nhà nước mức chi hỗ trợ cung cấp thông tin bằng 50% mức chi quy định tại mục b khoản này.

3.8. Chi vận chuyển tài liệu Điều tra thống kê, thuê xe phục vụ Điều tra thống kê thực địa: Thanh toán theo giá ghi trên vé, hóa đơn mua vé, hóa đơn và hợp đồng vận chuyển. Trường hợp vận chuyển ở địa bàn không có phương tiện vận tải của tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải hành khách theo quy định của pháp luật mà phải thuê phương tiện vận tải khác thì thủ trưởng cơ quan, đơn vị Điều tra thống kê xem xét quyết định cho thanh toán tiền thuê phương tiện vận chuyển trên cơ sở hợp đồng thuê phương tiện hoặc giấy biên nhận với chủ phương tiện theo mức giá thuê trung bình thực tế ở địa phương trong phạm vi dự toán được giao hoặc thanh toán tối đa bằng 0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm sử dụng.

3.9. Chi xử lý kết quả Điều tra thống kê:

a) Nghiệm thu, kiểm tra, đánh mã số, làm sạch và hoàn thiện phiếu điều tra thống kê: Thực hiện khoán tiền công trên cơ sở tiền thù lao thuê điều tra viên thống kê thu thập số liệu; mức khoán cụ thể tùy theo tính chất phức tạp của phiếu điều tra thống kê trong các cuộc điều tra thống kê, nhưng tối đa không quá 7% tiền công chi trả điều tra viên thống kê thu thập số liệu¹²;

b) Chi xây dựng, nâng cấp, mở rộng phần mềm phục vụ công tác điều tra (nếu cần thiết); chi nhập dữ liệu từ phiếu điều tra (phiếu giấy), chi kiểm tra hiệu đính, tổng hợp dữ liệu để tạo lập cơ sở dữ liệu; chi duy trì trang thông tin điện tử; chi xuất bản các sản phẩm điện tử về kết quả điều tra: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 45/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; Thông tư số 42/2020/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động xuất bản; Thông tư số 18/2024/TT-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc Quy định lập và quản lý chi phí đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì điều tra chịu trách nhiệm trong việc quyết định mức chi cụ thể tối đa không vượt quá quy định

¹² Được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2023, có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 7 năm 2023.

tại các văn bản nêu trên, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với nguồn kinh phí được giao để thực hiện công tác điều tra¹³.

3.10. Chi biên soạn ấn phẩm Điều tra thống kê (nếu có): Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14/3/2014 của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản.

3.11. Chi công bố kết quả điều tra thống kê: Tùy theo tính chất và sự cần thiết của các cuộc điều tra thống kê, Thủ trưởng cơ quan chủ trì điều tra thống kê quyết định việc công bố kết quả điều tra thống kê trên các phương tiện thông tin đại chúng, báo cáo cơ quan chức năng hoặc tổ chức hội nghị để công bố. Nội dung và mức chi tổ chức hội nghị để công bố kết quả điều tra thống kê thực hiện theo chế độ chi tổ chức hội nghị quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC và Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND; chi công bố trên phương tiện thông tin đại chúng: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu mua sắm thường xuyên nhằm duy trì hoạt động của các cơ quan, đơn vị của nhà nước.¹⁴

3.12. Các khoản chi khác liên quan đến cuộc Điều tra thống kê, bao gồm:

a) Văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, xăng xe và các khoản chi phí khác để thực hiện nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến công tác Điều tra thống kê: Mức chi căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao;

b) Phiên dịch (nếu có), biên dịch tài liệu nước ngoài phục vụ điều tra thống kê: Mức chi thực hiện theo quy định về chi dịch thuật tại Thông tư số 35/2026/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước.¹⁵

c) Làm ngoài giờ: Trong phạm vi dự toán được giao, thủ trưởng cơ quan, đơn vị thực hiện Điều tra thống kê thanh toán tiền làm thêm giờ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ công chức, viên chức và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

¹³ Được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2023, có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 7 năm 2023 và Khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 76/2026/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2026, có hiệu lực từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

¹⁴ Được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2023, có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 7 năm 2023 và Khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 76/2026/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2026, có hiệu lực từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

¹⁵ Được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2023, có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 7 năm 2023 và Khoản 6 Điều 1 Nghị quyết số 76/2026/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2026, có hiệu lực từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

3.13. Chi Điều tra thử để hoàn thiện phương án, phương pháp, chỉ tiêu, định mức công, mẫu phiếu Điều tra thống kê:

Đối với cuộc Điều tra thống kê được tiến hành Điều tra thống kê lần đầu tiên, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì Điều tra thống kê quyết định Điều tra thử trong trường hợp cần thiết trong phạm vi dự toán được giao để hoàn thiện phương án, phương pháp, chỉ tiêu, định mức công, mẫu phiếu Điều tra thống kê. Nội dung, mức chi Điều tra thử thực hiện theo các quy định tương ứng tại quy định này.

3.14. Nguồn kinh phí thực hiện

a) Ngân sách Thành phố bảo đảm kinh phí thực hiện các cuộc Điều tra thống kê do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định và bố trí trong dự toán chi ngân sách của các đơn vị theo quy định phân cấp ngân sách của Thành phố.

b) Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

3.15. Lập, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí các cuộc Điều tra thống kê:

Việc lập, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí các cuộc Điều tra thống kê thực hiện theo quy định tại Luật Ngân sách Nhà nước, Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính và các văn bản hiện hành.

PHỤ LỤC 02¹⁶ (bị bãi bỏ)

¹⁶ Phụ lục này bị bãi bỏ bởi Khoản 1 Điều 3 Nghị quyết 06/2023/NQ-HĐND có hiệu lực từ ngày 14 tháng 7 năm 2023.

**PHỤ LỤC 03****QUY ĐỊNH NỘI DUNG VÀ MỨC CHI TỔ CHỨC CÁC KỲ THI NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

(Kèm theo Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định nội dung và mức chi tổ chức các kỳ thi ngành giáo dục và đào tạo thành phố Hà Nội (cấp Thành phố; cấp huyện gồm quận, huyện, thị xã)

2. Đối tượng áp dụng: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức các kỳ thi ngành giáo dục và đào tạo thành phố Hà Nội.

3. Quy định cụ thể nội dung và mức chi tổ chức các kỳ thi:

3.1. Kỳ thi trung học phổ thông quốc gia *(Chi tiết tại Biểu số 01- Phụ lục 03 đính kèm)*

3.2. Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông, lớp 10 chuyên trung học phổ thông *(Chi tiết tại Biểu số 02- Phụ lục 03 đính kèm)*

3.3. Kỳ thi nghề phổ thông *(Chi tiết tại Biểu số 03- Phụ lục 03 đính kèm)*

3.4. Kỳ thi học sinh giỏi các môn văn hóa *(Chi tiết tại Biểu số 04- Phụ lục 03 đính kèm)*

3.5. Kỳ thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật dành cho học sinh khối phổ thông *(Chi tiết tại Biểu số 05- Phụ lục 03 đính kèm)*

3.6. Kỳ thi giáo viên giỏi *(Chi tiết tại Biểu số 06- Phụ lục 03 đính kèm)*

4. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí tổ chức các kỳ thi thuộc cấp ngân sách nào do ngân sách cấp đó đảm bảo và được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm.

BIỂU SỐ 01 - PHỤ LỤC 03¹⁷ (được thay thế)

BIỂU SỐ 02 - PHỤ LỤC 03¹⁸ (được thay thế)

BIỂU SỐ 03 - PHỤ LỤC 03¹⁹ (được thay thế)

BIỂU SỐ 04 - PHỤ LỤC 03²⁰ (được thay thế)

¹⁷ Biểu số 01- Phụ lục 03 được thay thế bởi Nghị quyết số 08/2026/NQ-HĐND ngày 11 tháng 5 năm 2026, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 5 năm 2026.

¹⁸ Biểu số 02- Phụ lục 03 được thay thế bởi Nghị quyết số 08/2026/NQ-HĐND ngày 11 tháng 05 năm 2026, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 5 năm 2026.

¹⁹ Biểu số 03 – Phụ lục 03 bị thay thế bởi Khoản 3 Điều 2 Nghị quyết 03/2022/NQ-HĐND, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 7 năm 2022.

²⁰ Biểu số 04- Phụ lục 03 được thay thế bởi Nghị quyết số 08/2026/NQ-HĐND ngày 11 tháng 5 năm 2026, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 5 năm 2026.



BIỂU SỐ 05 - PHỤ LỤC 03
QUY ĐỊNH NỘI DUNG VÀ MỨC CHI TỔ CHỨC KỲ THI NGUYÊN CỨU
KHOA HỌC KỸ THUẬT DÀNH CHO HỌC SINH KHỐI PHỔ THÔNG
(Kèm theo Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của
Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

Số TT	NỘI DUNG CHI	Đơn vị tính	Mức chi cấp Thành phố (đồng)	Mức chi cấp Huyện (đồng)
1	Ban chỉ đạo thi cấp Thành phố			
	- Trưởng ban	Người/ngày	280.000	245.000
	- Các Phó trưởng ban	Người/ngày	252.000	221.000
	- Các ủy viên, thư ký	Người/ngày	200.000	175.000
2	Chi thẩm định khoa học cơ sở, thẩm định hồ sơ, chấm thi vòng sơ khảo			
	- Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	800.000	700.000
	- Phó chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	640.000	560.000
	- Thư ký Hội đồng	Người/ngày	240.000	210.000
	- Ủy viên Hội đồng	Người/ngày	160.000	140.000
	- Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng	Đồng/01 phiếu nhận xét đánh giá	400.000	350.000
	- Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ, phục vụ	Người/ngày	155.000	136.000
3	Chi chấm thi vòng 2, có phỏng vấn thí sinh			
	- Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	1.200.000	1.050.000
	- Phó chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	800.000	700.000
	- Thư ký Hội đồng	Người/ngày	240.000	210.000
	- Ủy viên Hội đồng	Người/đề tài	160.000	140.000
	- Nhận xét đánh giá của người phản biện	Đồng/01 phiếu nhận xét đánh giá	560.000	490.000
	- Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ, phục vụ	Người/ngày	155.000	136.000

4	Chi hợp Ban chỉ đạo, Ban giám khảo thống nhất kết quả chấm, chọn đề tài dự thi cấp quốc gia			
	- Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	800.000	700.000
	- Phó chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	640.000	560.000
	- Thư ký Hội đồng	Người/ngày	240.000	210.000
	- Ủy viên Hội đồng	Người/ngày	160.000	140.000
	- Tác giả đề tài báo cáo trước Hội đồng	Người/đề tài	160.000	140.000
	- Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ, phục vụ	Người/ngày	155.000	136.000

Ghi chú

- Thời gian làm việc ngày thứ bảy, chủ nhật được hưởng chế độ bồi dưỡng làm thêm giờ theo qui định.
- Trong thời gian làm nhiệm vụ, trường hợp cán bộ giữ nhiều chức vụ hoặc kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ khác nhau thì chỉ được hưởng một mức thù lao cao nhất.
- Các nội dung chi khác tổ chức kỳ thi: Căn cứ theo chế độ hiện hành; Hợp đồng, hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ và trong phạm vi dự toán được giao.

**BIỂU SỐ 06 - PHỤ LỤC 03****QUY ĐỊNH NỘI DUNG VÀ MỨC CHI TỔ CHỨC KỲ THI GIÁO VIÊN GIỎI**
(Kèm theo Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

Số TT	NỘI DUNG CHI	Đơn vị tính	Mức chi cấp Thành phố (đồng)	Mức chi cấp Huyện (đồng)
1	Ban tổ chức thi cấp Thành phố			
	- Trưởng ban	Người/ngày	280.000	245.000
	- Các Phó trưởng ban	Người/ngày	252.000	221.000
	- Các ủy viên, thư ký	Người/ngày	200.000	175.000
2	Chi cho công tác chuẩn bị Hội thi và Tổng kết Hội thi			
	- Xây dựng kế hoạch tổng thể, quy chế Hội thi	Kế hoạch, quy chế	800.000	700.000
	- Xây dựng phiếu đánh giá, xếp loại	Phiếu	400.000	350.000
	- Xây dựng tiêu chí chung đánh giá và khung điểm cho từng tiêu chí	Hội thi	800.000	700.000
	- Xây dựng thang điểm chi tiết	Hội thi	400.000	350.000
	- Tổng hợp, báo cáo kết quả Hội thi	Hội thi	800.000	700.000
3	Ra đề thi			
3.1	Chi ra đề			
	- Ra đề đề xuất chuyên môn, nghiệp vụ	Đề	652.000	571.000
3.2	Chi cho công tác ra đề thi chính thức và dự bị			
	Chi cho cán bộ ra đề thi			
	- Ra đề chuyên môn, nghiệp vụ	Người/ngày	600.000	525.000
3.3	Chi phụ cấp trách nhiệm Hội đồng/Ban ra đề thi			
	- Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	280.000	245.000
	- Phó chủ tịch thường trực/Phó trưởng ban thường trực	Người/ngày	252.000	221.000
	- Các Phó chủ tịch/Phó trưởng ban	Người/ngày	224.000	196.000

	- Ủy viên, thư ký, bảo vệ vòng trong (24h/24h)	Người/ngày	184.000	161.000
	- Ủy viên, thư ký, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	92.000	81.000
3.4	Ban in sao đề thi			
	- Trưởng ban	Người/ngày	240.000	210.000
	- Các Phó trưởng ban	Người/ngày	200.000	175.000
	- Các ủy viên, thư ký	Người/ngày	168.000	147.000
	- Công an vòng trong	Người/ngày	168.000	147.000
	- Công an, bảo vệ vòng ngoài, phục vụ	Người/ngày	92.000	81.000
4	Hội đồng/Ban coi thi			
	- Chủ tịch hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	224.000	196.000
	- Các Phó chủ tịch/Phó trưởng ban	Người/ngày	216.000	189.000
	- Các ủy viên, thư ký, cán bộ coi thi, cán bộ giám sát	Người/ngày	168.000	147.000
	- Trật tự viên, y tế, công an, phục vụ	Người/ngày	92.000	81.000
5	Ban làm phách			
	- Trưởng ban	Người/ngày	240.000	210.000
	- Các Phó trưởng ban	Người/ngày	200.000	175.000
	- Các ủy viên	Người/ngày	168.000	147.000
	- Công an, bảo vệ, y tế, phục vụ	Người/ngày	92.000	81.000
6	Tổ chức chấm thi			
6.1	Chấm bài thi lý thuyết	Bài thi	52.000	46.000
6.2	Chấm thi thực hành			
	- Chi dự giờ trình giảng tại Hội thi, trao đổi, nhận xét, góp ý bài giảng	Bài giảng/người chấm thi	120.000	105.000
	- Đọc giáo án	Giáo án	24.000	21.000
	- Đọc hồ sơ, sáng kiến kinh nghiệm	Hồ sơ, SKKN	40.000	35.000
6.3	Ban chấm thi			
	- Trưởng ban	Người/ngày	240.000	210.000
	- Các Phó trưởng ban	Người/ngày	200.000	175.000
	- Các ủy viên	Người/ngày	168.000	147.000
	- Công an, bảo vệ, y tế, phục vụ	Người/ngày	92.000	81.000

7	Chi phụ cấp trách nhiệm thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi			
	- Trưởng đoàn thanh tra	Người/ngày	240.000	210.000
	- Đoàn viên thanh tra	Người/ngày	168.000	147.000
	- Thanh tra viên độc lập	Người/ngày	200.000	175.000
8	Chi hợp xét kết quả thi và xét thưởng	Người/buổi	80.000	70.000
9	Một số nội dung chi khác			
9.1	Trực đêm			
	- Trực đêm tại các Ban coi thi (trông đề, trông bài)	Người/đêm	50.000	50.000
	- Trực đêm tại các Ban chấm thi (trông bài và hồ sơ)	Người/đêm	50.000	50.000
9.2	Tiền ăn			
	- Hỗ trợ tiền ăn trưa cho Ban coi thi (Chi hỗ trợ những ngày thực tế coi thi)	Người/ngày	50.000	50.000
	- Tiền ăn cho Ban làm đề, sao in đề (Cách ly 24/24h)	Người/ngày	150.000	150.000
	- Tiền ăn cho Ban làm phách (Cách ly)	Người/ngày	50.000	50.000

Ghi chú

- Thời gian làm việc ngày thứ bảy, chủ nhật được hưởng chế độ bồi dưỡng làm thêm giờ theo qui định.
- Trong thời gian làm nhiệm vụ, trường hợp cán bộ giữ nhiều chức vụ hoặc kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ khác nhau thì chỉ được hưởng một mức thù lao cao nhất.
- Các nội dung chi khác tổ chức kỳ thi: Căn cứ theo chế độ hiện hành; Hợp đồng, hóa đơn, chứng từ chỉ tiêu hợp pháp, hợp lệ và trong phạm vi dự toán được giao.

**PHỤ LỤC 04****QUY ĐỊNH MỨC CHI KHÁC CHO ĐỐI TƯỢNG BẢO TRỢ XÃ HỘI
ĐANG ĐƯỢC CHĂM SÓC, NUÔI DƯỠNG TẠI CÁC TRUNG TÂM BẢO
TRỢ XÃ HỘI TRỰC THUỘC SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ
XÃ HỘI HÀ NỘI**

(Kèm theo Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

1. Phạm vi điều chỉnh: quy định mức chi khác cho đối tượng bảo trợ xã hội tại các Trung tâm Bảo trợ xã hội trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Hà Nội.

2. Đối tượng áp dụng: đối tượng bảo trợ xã hội tại các Trung tâm Bảo trợ xã hội trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Hà Nội

3. Quy định cụ thể mức chi khác cho đối tượng bảo trợ xã hội tại các Trung tâm Bảo trợ xã hội trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Hà Nội:

- Đối tượng tâm thần: 400.000 đồng/người/tháng.
- Các đối tượng bảo trợ xã hội khác: 350.000 đồng/người/tháng.

4. Nguồn kinh phí thực hiện:

Kinh phí chi khác phục vụ đối tượng bảo trợ xã hội do ngân sách Thành phố đảm bảo và được bố trí trong dự toán giao hàng năm cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Hà Nội.

PHỤ LỤC 05²¹

²¹ Phụ lục này được thay thế bởi Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 15/2019/NQ-HĐND, có hiệu lực từ ngày 01/01/2020; bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 12 năm 2023 và Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND ngày 29/4/2025, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2025.

**PHỤ LỤC 06****QUY ĐỊNH CÁC NỘI DUNG VÀ MỨC CHI HỖ TRỢ TỪ NGÂN SÁCH
THÀNH PHỐ ĐỂ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XÚC TIẾN ĐẦU TƯ,
THƯƠNG MẠI, DU LỊCH CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*(Kèm theo Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng
nhân dân thành phố Hà Nội)*

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ từ ngân sách Thành phố để thực hiện Chương trình xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch trong lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, thương mại, dịch vụ và các lĩnh vực khác được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt hàng năm (sau đây gọi tắt là Chương trình xúc tiến).

2. Đối tượng áp dụng:

a) Đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình xúc tiến: Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại, Du lịch Thành phố và các Sở, Ban, ngành được Ủy ban nhân dân Thành phố giao chủ trì tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch bằng ngân sách Thành phố theo quy định hiện hành và thực hiện Chương trình xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch của Thành phố (sau đây gọi tắt là đơn vị chủ trì).

b) Các đơn vị tham gia thực hiện Chương trình xúc tiến: các Hội, Hiệp hội doanh nghiệp, Hiệp hội ngành nghề, các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, hợp tác xã, cơ sở sản xuất và các đơn vị liên quan được thành lập và hoạt động theo quy định pháp luật hiện hành có tham gia thực hiện hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch thuộc Chương trình xúc tiến (sau đây gọi tắt là Đơn vị tham gia). Căn cứ mục tiêu của từng Chương trình, đơn vị chủ trì có trách nhiệm lựa chọn các đơn vị tham gia đảm bảo hiệu quả của các hoạt động xúc tiến.

c) Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc xây dựng, thực hiện, quản lý Chương trình xúc tiến và cơ quan cấp kinh phí hỗ trợ.

3. Các nội dung chi và mức chi hỗ trợ từ ngân sách Thành phố để thực hiện Chương trình xúc tiến:**3.1. Đối với các hoạt động xúc tiến đầu tư:**

Hỗ trợ 100% kinh phí để thực hiện các nội dung chi sau :

a) Nghiên cứu, đánh giá tiềm năng, thị trường, xu hướng và đối tác đầu tư:

- Thu thập thông tin, nghiên cứu, tổng hợp xây dựng các đề án, báo cáo: Hỗ trợ chi phí thu thập tài liệu, chi phí viết chuyên đề, báo cáo.

- Tổ chức các đoàn khảo sát, nghiên cứu trong nước và nước ngoài:

Đối với các đoàn khảo sát, nghiên cứu trong nước: Hỗ trợ công tác phí cho cán bộ, công chức, viên chức thực hiện tổ chức, tham gia đoàn khảo sát, nghiên cứu.

Đối với các đoàn khảo sát, nghiên cứu tại nước ngoài: Hỗ trợ công tác phí cho cán bộ, công chức, viên chức thực hiện tổ chức đoàn nghiên cứu khảo sát. Đối với đơn vị tham gia đoàn, hỗ trợ công tác phí cho 1 cán bộ, công chức, viên chức/1 đơn vị tham gia. Trường hợp theo yêu cầu cấp bách về xúc tiến đầu tư thì đơn vị chủ trì báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định số lượng người tham gia nghiên cứu khảo sát nhưng không quá 2 cán bộ, công chức, viên chức/1 đơn vị tham gia.

- Tổ chức các diễn đàn, hội nghị, hội thảo, trong nước và nước ngoài:

Hỗ trợ chi phí thuê hội trường, trang thiết bị, trang trí, chi phí in ấn, phô tô tài liệu, phiên dịch, giải khát giữa giờ, chi phí văn phòng phẩm, hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu theo quy định.

Đối với hội nghị, hội thảo trong nước: Hỗ trợ chi phí công tác phí cho cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị tổ chức, tham gia hội nghị, hội thảo.

Đối với hội nghị, hội thảo tại nước ngoài: Hỗ trợ chi phí công tác phí cho cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị tổ chức hội nghị, hội thảo. Đối với đơn vị tham gia hội nghị, hội thảo, hỗ trợ công tác phí cho 1 cán bộ, công chức, viên chức/1 đơn vị tham gia. Trường hợp theo yêu cầu cấp bách nhằm tuyên truyền quảng bá, xúc tiến đầu tư thì đơn vị chủ trì báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định số lượng người tham gia hội nghị, hội thảo tại nước ngoài nhưng không quá 2 cán bộ, công chức, viên chức/1 đơn vị tham gia.

b) Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư:

- Hỗ trợ chi phí thu thập, hệ thống hóa các số liệu; môi trường đầu tư; pháp luật, chính sách, thủ tục đầu tư; tiềm năng, cơ hội và đối tác đầu tư;

- Hỗ trợ chi phí xây dựng và vận hành trang thông tin điện tử về pháp luật, chính sách, thủ tục đầu tư, môi trường, tiềm năng, cơ hội đầu tư, đối tác đầu tư.

c) Xây dựng danh mục dự án kêu gọi đầu tư:

- Chi phí thu thập, tổng hợp tài liệu;

- Chi phí dịch thuật tài liệu;

- Chi phí tư vấn, thiết kế, in ấn xây dựng nội dung chi tiết dự án thuộc Danh mục dự án;

- Chi phí khảo sát điều tra thực tế;

- Chi phí tổ chức họp lấy ý kiến: Thuê hội trường, trang thiết bị, trang trí, nước uống, chi phí văn phòng phẩm.

d) Xây dựng các ấn phẩm, tài liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư:

- Sách hướng dẫn, tờ rơi: Hỗ trợ chi phí viết bài, biên tập, chi phí thiết kế, in ấn và phát hành.

Đối với danh mục dự án kêu gọi đầu tư và nội dung chi tiết của dự án thuộc Danh mục kêu gọi đầu tư: Hỗ trợ chi phí in ấn, phát hành (chi phí xây dựng danh mục dự án kêu gọi đầu tư được hỗ trợ theo quy định tại điểm c, khoản 3.1, Mục 3, Phụ lục này).

- Các tài liệu nghiên cứu tổng hợp, nghiên cứu chuyên đề: Hỗ trợ chi phí thu thập tài liệu, chi viết bài nghiên cứu, viết chuyên đề.

- Các chuyên đề, bài báo, tạp chí, chương trình phát thanh, truyền hình, quảng cáo để đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng trong nước và nước ngoài: Hỗ trợ chi phí viết bài, biên tập, xây dựng chương trình, chi phí phát sóng và đăng tải trên các phương tiện thông tin.

- Quà tặng, đồ lưu niệm: Hỗ trợ chi phí thiết kế, làm quà tặng, chi phí mua và vận chuyển quà tặng cho các đối tác theo quy định.

đ) Các hoạt động tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về môi trường, chính sách, tiềm năng, cơ hội và kết nối đầu tư:

- Tổ chức, tham gia các hội nghị, hội thảo diễn đàn, tọa đàm trong nước và nước ngoài: nội dung hỗ trợ quy định chi "Tổ chức các diễn đàn, hội nghị, hội thảo, trong nước và nước ngoài" tại điểm a khoản 3.1, Mục 3, Phụ lục này.

- Tổ chức, tham gia hội chợ về xúc tiến đầu tư: Hỗ trợ kinh phí tổ chức hội chợ triển lãm bao gồm chi phí thuê mặt bằng gian hàng quốc gia (bao gồm cả các chi phí điện, nước, trang trí, chi phí thiết kế và vật liệu cần thiết), chi phí in ấn tài liệu (nếu có) và vận chuyển tài liệu vật phẩm cho hoạt động xúc tiến đầu tư tới địa điểm tổ chức, chi phí văn phòng phẩm, chi phí quảng bá cho hoạt động tổ chức hội chợ, chi phí thuê công ty tổ chức sự kiện, công tác phí cho cán bộ, công chức, viên chức thực hiện tổ chức hoặc tham gia chương trình.

- Tổ chức, tham gia các cuộc tiếp xúc, gặp gỡ với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và nhà đầu tư; Tổ chức, tham gia đoàn công tác để xúc tiến đầu tư theo từng chuyên đề hoặc đối tác cụ thể:

Hỗ trợ chi phí công tác phí trong và ngoài nước cho cán bộ công chức, viên chức thực hiện;

Hỗ trợ chi phí thuê địa điểm, trang thiết bị, trang trí, chi phí tài liệu, phiên dịch, giải khát giữa giờ, chi phí văn phòng phẩm (trường hợp Thành phố là đơn vị tổ chức).

- Thực hiện các chương trình tuyên truyền, quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng trong nước và nước ngoài, đặt hàng cơ quan truyền thông

trong nước và nước ngoài viết bài, làm phóng sự trên báo chí, truyền thanh, truyền hình, trang thông tin điện tử, làm phim quảng bá môi trường đầu tư tại Hà Nội theo hợp đồng trọn gói;

- Các hình thức tuyên truyền, quảng bá khác.

e) Đào tạo, tập huấn tăng cường năng lực về xúc tiến đầu tư:

Hỗ trợ các chi phí: thuê hội trường; trang thiết bị; trang trí; chi phí in ấn, phô tô tài liệu; phiên dịch; giải khát giữa giờ; thù lao giảng viên, chi phí văn phòng phẩm; chi phí làm giấy chứng nhận khóa học, chi phí thông tin liên lạc tổ chức lớp học, công tác phí cho đối tượng tổ chức, tham gia khóa học là cán bộ công chức, viên chức.

g) Hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư trong việc tìm hiểu về pháp luật, chính sách, thủ tục đầu tư; tiềm năng thị trường, đối tác và cơ hội đầu tư, triển khai dự án sau khi được cấp giấy chứng nhận đầu tư, bao gồm:

- Cung cấp các thông tin về tình hình kinh tế - xã hội, tình hình đầu tư; quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngành và vùng lãnh thổ, pháp luật, cơ chế, chính sách, tiềm năng, thị trường, xu hướng và đối tác đầu tư khi có yêu cầu của doanh nghiệp và nhà đầu tư;

- Hướng dẫn thủ tục đầu tư;

- Hướng dẫn và hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư tháo gỡ khó khăn trong quá trình triển khai dự án đầu tư;

- Tiếp nhận, tổng hợp và trình cơ quan có thẩm quyền giải quyết các đề xuất, kiến nghị của doanh nghiệp, nhà đầu tư.

h) Thực hiện các hoạt động hợp tác trong nước và quốc tế về xúc tiến đầu tư.

3.2. Đối với các hoạt động xúc tiến thương mại của Thành phố.

a) Đối với hoạt động xúc tiến thương mại định hướng xuất khẩu:

- Chi hỗ trợ “Thông tin thương mại, nghiên cứu thị trường, xây dựng cơ sở dữ liệu các thị trường xuất khẩu trọng điểm theo ngành hàng”: Hỗ trợ 70% các khoản chi phí: Chi phí mua tư liệu; Chi phí điều tra, khảo sát và tổng hợp tư liệu; Chi phí xuất bản và phát hành; Các khoản chi khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 1,5 triệu đồng/1 đơn vị đăng ký và nhận thông tin.

- Chi hỗ trợ “Tuyên truyền xuất khẩu”: Áp dụng cho chi phí tuyên truyền chung, chỉ dẫn địa lý sản phẩm nông nghiệp, làng nghề của Thành phố (không áp dụng tuyên truyền riêng cho từng doanh nghiệp hoặc nhóm doanh nghiệp), cụ thể:

Quảng bá hình ảnh ngành hàng, chỉ dẫn địa lý nổi tiếng của vùng, miền ra thị trường nước ngoài: Ngân sách Thành phố đảm bảo 100% các chi phí quảng bá hình ảnh, chỉ dẫn địa lý theo hợp đồng, bao gồm: chi phí thiết kế, xây dựng kế hoạch, nội dung truyền thông; Chi phí sản xuất, xuất bản và phát hành trong nước và nước ngoài để giới thiệu, quảng bá hình ảnh ngành hàng, chỉ dẫn địa lý của Thành phố.

Mời đại diện cơ quan truyền thông nước ngoài đến Hà Nội để viết bài, làm phóng sự trên báo, tạp chí, truyền thanh, truyền hình, internet nhằm quảng bá cho xuất khẩu Hà Nội theo hợp đồng trọn gói: Hỗ trợ 70% chi phí sản phẩm truyền thông hoàn thành (bộ phim đã phát sóng, bài viết đã đăng).

- Chi hỗ trợ “Thuê chuyên gia trong và ngoài nước để tư vấn phát triển sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển xuất khẩu, thâm nhập thị trường nước ngoài”:

Hợp đồng trọn gói với chuyên gia tư vấn: Hỗ trợ 70% chi phí sản phẩm tư vấn hoàn thành;

Tổ chức cho chuyên gia trong và ngoài nước gặp gỡ, phổ biến kiến thức và tư vấn cho doanh nghiệp: Hỗ trợ 100% chi phí thuê hội trường, thiết bị, trang trí, tài liệu, biên dịch, phiên dịch, phương tiện đi lại cho chuyên gia.

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 2 triệu đồng/1 đơn vị tham gia.

- Chi hỗ trợ “Đào tạo, tập huấn ngắn hạn trong và ngoài nước nhằm nâng cao nghiệp vụ xúc tiến thương mại”: Hỗ trợ 50% đối với đối tượng là doanh nghiệp, hợp tác xã; hỗ trợ 100% đối với đối tượng là các tổ chức xúc tiến thương mại Chính phủ và phi Chính phủ; gồm các khoản chi sau:

Chi phí giảng viên, thuê lớp học, thiết bị giảng dạy, tài liệu cho học viên, các khoản chi khác (nếu có).

Hoặc học phí trọn gói của khóa học.

- Chi hỗ trợ “Tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài”: Hỗ trợ 100% các khoản chi phí: Thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng; Trang trí chung của khu vực thành phố Hà Nội; Chi phí tổ chức khai mạc (nếu là hội chợ triển lãm riêng của Hà Nội): Giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng; Tổ chức hội thảo: Chi phí thuê hội trường, trang thiết bị, trang trí, âm thanh, ánh sáng, phiên dịch, an ninh, lễ tân, nước uống, tài liệu, diễn giả; Trình diễn sản phẩm: Thuê địa điểm, thiết kế và trang trí sân khấu, âm thanh, ánh sáng, trang thiết bị, người trình diễn, người dẫn chương trình, phiên dịch; Công tác phí cho cán bộ tổ chức Chương trình; Các khoản chi khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 200 triệu đồng/1 đơn vị tham gia.

- Tuyên truyền quảng bá và mời khách đến giao dịch khi tổ chức hội chợ triển lãm: Hỗ trợ 100% chi phí sản xuất, phát hành giới thiệu hội chợ triển lãm và các khoản chi khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 12% chi phí tổ chức hội chợ.

- Chi hỗ trợ “Tổ chức đoàn giao dịch thương mại tại nước ngoài”: Hỗ trợ 100% các khoản chi phí sau: 01 vé máy bay khứ hồi/ 01 đơn vị tham gia; Tổ chức hội thảo giao thương: Thuê hội trường, thiết bị, giấy mời, phiên dịch, tài liệu; Tuyên truyền quảng bá, mời khách đến tham dự, giao dịch; Công tác phí cho cán bộ tổ chức Chương trình; Các khoản chi khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là: 40 triệu đồng/01 đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại khu vực Châu Á; 60 triệu đồng/01 đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại khu vực: Châu Âu, Châu Phi, Châu Úc, Bắc Mỹ, Tây Á; 100 triệu đồng/01 đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại khu vực Trung Mỹ, Mỹ La Tinh.

- Chi hỗ trợ “Tổ chức hoạt động xúc tiến tổng hợp”: Hỗ trợ 70% các khoản chi theo nội dung cụ thể tại các quy định nêu trên với mức khống chế số tiền hỗ trợ theo tỷ lệ tương ứng với mức hỗ trợ quy định “Tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài” và “Tổ chức đoàn giao dịch thương mại tại nước ngoài nêu trên.

- Chi hỗ trợ “Tổ chức đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào Hà Nội giao dịch mua hàng”: Hỗ trợ 100% các khoản chi phí: Chi phí đón tiếp đoàn doanh nghiệp nước ngoài; Công tác phí cho cán bộ tổ chức Chương trình; Tuyên truyền quảng bá, mời khách đến tham dự, giao dịch; Các khoản chi khác (nếu có),

- Chi hỗ trợ “Tổ chức hội nghị quốc tế ngành hàng xuất khẩu tại Hà Nội”: Hỗ trợ 100% các khoản chi phí sau: Chi phí thuê và trang trí hội trường, trang thiết bị, phiên dịch, biên dịch, in ấn tài liệu; Chi phí tuyên truyền, quảng bá.

- Chi hỗ trợ “Các hoạt động xúc tiến thương mại đã thực hiện và có hiệu quả trong việc mở rộng thị trường xuất khẩu”: Hỗ trợ 100% các khoản chi phí (nếu hoạt động này chưa được hỗ trợ trong Chương trình xúc tiến thương mại Thành phố): 01 vé máy bay khứ hồi/ 01 đơn vị tham gia; Chi phí ăn, ở; Chi phí tham gia gian hàng hội chợ triển lãm;

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 200 triệu đồng/1 đơn vị tham gia.

b) Đối với hoạt động xúc tiến thương mại thị trường trong nước:

- Chi tổ chức, tham gia Hội chợ, triển lãm tại Hà Nội:

Đối tượng, điều kiện tham gia: Các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, các hợp tác xã, cơ sở làng nghề, cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn được thành lập theo quy định của pháp luật hiện hành có ngành nghề kinh doanh phù hợp với mục tiêu của từng hội chợ, triển lãm và các tỉnh, thành phố có gian

hàng tham dự hội chợ triển lãm tại Hà Nội do Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức.

Nội dung và mức chi hỗ trợ:

Ngân sách Thành phố hỗ trợ 50% chi phí gian hàng cho các đơn vị tham gia. Mức hỗ trợ tối đa cho nội dung này là: 15 triệu đồng/đơn vị tham gia, nhưng hỗ trợ tối đa không quá 2 gian hàng/đơn vị tham gia. Hỗ trợ tối đa 2 gian hàng/địa phương/chương trình đối với mỗi địa phương có doanh nghiệp về tham gia tại Hà Nội, mức hỗ trợ tối đa cho nội dung này là 30 triệu đồng/địa phương tham gia.

Ngân sách Thành phố đảm bảo 100% các chi phí chung tổ chức hội chợ, triển lãm nhằm nâng cao vị thế, tăng cường quảng bá hình ảnh của Hà Nội, bao gồm các chi phí: Chi phí thiết kế, trang trí chung của khu vực tổ chức bán hàng; Dịch vụ phục vụ chung: điện, nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ; chi phí quản lý của đơn vị tổ chức hội chợ triển lãm; Chi phí tổ chức khai mạc, bế mạc (Giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng) và Chi phí tổ chức hội thảo, giao thương; chi phí quản lý của đơn vị tổ chức hội chợ triển lãm; Chi phí tuyên truyền, quảng bá giới thiệu về chương trình.

- Chi hỗ trợ tham gia các hội chợ, triển lãm hàng tiêu dùng tổng hợp hoặc vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn giới thiệu sản phẩm của doanh nghiệp Hà Nội đến người tiêu dùng tại các địa bàn ngoài Thành phố Hà Nội:

Đối tượng, điều kiện tham gia: Các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, các hợp tác xã, cơ sở làng nghề, cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn có trụ sở đóng trên địa bàn Thành phố được thành lập theo quy định của pháp luật hiện hành, hoạt động sản xuất, kinh doanh trong các ngành nghề phù hợp với mục tiêu của từng hội chợ, triển lãm.

Nội dung và mức chi hỗ trợ:

Ngân sách Thành phố hỗ trợ 50% chi phí thuê mặt bằng, gian hàng cho các đơn vị tham gia. Mức hỗ trợ tối đa cho nội dung này là: 15 triệu đồng/đơn vị tham gia, nhưng hỗ trợ tối đa không quá 2 gian hàng/đơn vị tham gia.

Ngân sách Thành phố đảm bảo 100% các chi phí chung tham dự Hội chợ, triển lãm tại các tỉnh, thành phố nhằm nâng cao vị thế, tăng cường quảng bá hình ảnh của Hà Nội, bao gồm các chi phí: Chi phí thiết kế, dàn dựng gian hàng, trang trí tổng thể chung khu gian hàng Thành phố Hà Nội; Chi phí tuyên truyền, quảng bá giới thiệu về gian hàng của thành phố Hà Nội tại Hội chợ; Chi phí thuê gian hàng tiêu chuẩn/đất trống của đơn vị chủ trì thực hiện chương trình Xúc tiến thương mại nhằm trưng bày, quảng bá giới thiệu chung về các thành tựu, sản phẩm tiêu biểu đặc trưng của Thủ đô đến đông đảo nhân dân cả nước.

- Chi hỗ trợ “Điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường trong nước; xây dựng cơ sở dữ liệu các mặt hàng quan trọng, thiết yếu; nghiên cứu phát triển hệ thống phân phối, cơ sở hạ tầng thương mại. Các ấn phẩm để phổ biến kết quả điều tra, khảo sát, phổ biến pháp luật, tập quán, thói quen mua sắm”: Hỗ trợ 100% các khoản chi phí: Chi phí mua tư liệu; Chi phí điều tra, khảo sát và tổng hợp tư liệu; Chi phí xuất bản và phát hành; Các khoản chi khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 1 triệu đồng/1 đơn vị đăng ký và nhận thông tin.

- Chi hỗ trợ “Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về hàng hóa và dịch vụ Việt Nam đến người tiêu dùng trong nước qua các hoạt động truyền thông trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm và các hình thức phổ biến thông tin khác: Hỗ trợ 100% chi phí thực hiện nội dung sản phẩm truyền thông và phát hành.

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 95 triệu đồng/1 chuyên đề tuyên truyền.

- Chi hỗ trợ “Hỗ trợ công tác quy hoạch, quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng thương mại”: Hỗ trợ 50% các khoản chi phí (nếu chưa được nhà nước cấp kinh phí) liên quan đến công tác lập quy hoạch, quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng thương mại, mua tư liệu nghiên cứu tham khảo.

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 175 triệu đồng/1 cụm, điểm quy hoạch.

- Chi hỗ trợ “Đào tạo, tập huấn ngắn hạn về kỹ năng kinh doanh, tổ chức mạng lưới bán lẻ; hỗ trợ tham gia các khóa đào tạo chuyên ngành ngắn hạn cho các doanh nghiệp hoạt động trong những ngành đặc thù; đào tạo kỹ năng phát triển thị trường trong nước cho các đơn vị chủ trì; hợp tác với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu xây dựng chương trình phát triển thị trường trong nước”: Hỗ trợ 100% các khoản chi:

Chi phí giảng viên, thuê lớp học, thiết bị giảng dạy, tài liệu cho học viên và các khoản chi khác (nếu có);

Hoặc học phí trọn gói của khóa học.

3.3. Đối với các hoạt động xúc tiến du lịch:

Hỗ trợ 100% kinh phí cho các hoạt động do cơ quan Thành phố chủ trì (đối với các đề án có kinh phí thu bên lề các hoạt động như thu quảng cáo, hoa hồng, tài trợ phải được giảm trừ vào phần kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước); và hỗ trợ không quá 70% kinh phí đối với các hoạt động do cơ quan Thành phố chủ trì, có sự tham gia của địa phương, hiệp hội du lịch, doanh nghiệp du lịch và các đơn vị khác đối với các nội dung chi sau:

a) Hoạt động tuyên truyền, quảng bá và xúc tiến du lịch Hà Nội ở nước ngoài:

- Tổ chức các chương trình xúc tiến điểm đến du lịch Hà Nội ở nước ngoài:

Chi phí đi lại, công tác phí, chi phí bảo hiểm: tùy theo quy mô, tính chất và kinh phí thực hiện Chương trình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định nhưng không quá 04 người đối với đơn vị chủ trì Chương trình và không quá 01 người đối với đơn vị tham gia Chương trình;

Chi phí tổ chức sự kiện: chi phí thuê địa điểm tổ chức, chi phí trang trí, thuê thiết bị, tiệc trà, chi phí giấy mời, tài liệu (bao gồm cả chi phí vận chuyển tài liệu ra nước ngoài). Trường hợp cần tổ chức tiệc giao thương, đơn vị chủ trì có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

- Tổ chức, tham gia các hội chợ du lịch quốc tế ở các thị trường trọng điểm và tiềm năng:

Chi phí đi lại, công tác phí, chi phí bảo hiểm cho cán bộ của đơn vị chủ trì Chương trình: Đối với hội chợ tổ chức tại Châu Âu: hỗ trợ chi phí tối đa 03 cán bộ đối với hội chợ từ 15 doanh nghiệp Hà Nội tham gia trở lên; hỗ trợ tối đa 02 cán bộ đối với hội chợ có ít hơn 15 doanh nghiệp Hà Nội tham gia; Đối với hội chợ tổ chức tại các thị trường khác: hỗ trợ chi phí tối đa 03 cán bộ đối với hội chợ từ 20 doanh nghiệp Hà Nội tham gia trở lên; hỗ trợ chi phí tối đa 02 cán bộ đối với hội chợ có ít hơn 20 doanh nghiệp Hà Nội tham gia.

Đối với trường hợp đặc biệt, để tăng cường hiệu quả xúc tiến du lịch cần có số lượng cán bộ tham gia nhiều hơn thì số lượng cán bộ tham gia, đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

Thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng;

Chi phí để tổ chức gian hàng chung của du lịch Hà Nội tại các hội chợ du lịch;

Chi phí tổ chức khai mạc (nếu là hội chợ triển lãm riêng của Hà Nội): giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng; chi phí cho đoàn biểu diễn nghệ thuật (nếu có);

Chi phí tổ chức hội nghị, hội thảo (nếu có tại các hội chợ quốc tế lớn): chi phí thuê hội trường, thiết bị, giấy mời, tài liệu (bao gồm cả chi phí vận chuyển tài liệu), tiệc trà, phiên dịch;

Chi phí tuyên truyền quảng bá cho hoạt động tổ chức hội chợ.

- Quảng bá du lịch Hà Nội trên một số phương tiện truyền thông quốc tế, bao gồm các kênh truyền hình, tạp chí du lịch và giải trí, quảng cáo tầm lớn, quảng cáo trực tuyến gồm: chi sản xuất chương trình, sản phẩm để quảng bá du lịch; chi phí thuê sóng, phát sóng và đăng tải chương trình quảng bá lên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Tổ chức cho các hãng lữ hành và đơn vị truyền thông, báo chí nước ngoài vào Hà Nội khảo sát điểm đến, sản phẩm và dịch vụ du lịch: Hỗ trợ chi phí ăn ở, đi lại tại Hà Nội đối với khách mời quốc tế; Công tác phí cho cán bộ của đơn vị chủ trì Chương trình thực hiện đón tiếp, tổ chức khảo sát; Chi phí tổ chức hội nghị, hội thảo (nếu có); Tiệc chiêu đãi đón đoàn (nếu có).

- Tổ chức, tham gia các hội nghị, hội thảo ở nước ngoài nhằm xúc tiến du lịch Hà Nội (tổ chức hội nghị, hội thảo về xúc tiến đầu tư du lịch Hà Nội tại các thị trường trọng điểm và thị trường tiềm năng; tham gia hội thảo, hội nghị quốc tế về xúc tiến du lịch trong khu vực và trên thế giới; tranh thủ các diễn đàn du lịch, kinh tế quốc tế nhằm tăng cường hoạt động tuyên truyền quảng bá cho du lịch Hà Nội):

Chi phí đi lại, công tác phí, chi phí bảo hiểm: tùy theo quy mô, tính chất và kinh phí thực hiện Chương trình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định nhưng không quá 03 người đối với đơn vị chủ trì Chương trình và không quá 01 người đối với đơn vị tham gia Chương trình;

Chi phí tổ chức hội nghị, hội thảo: chi phí thuê địa điểm tổ chức, chi phí trang trí, thuê thiết bị, giấy mời, tài liệu (bao gồm cả chi phí vận chuyển tài liệu), tiệc trà, chi phí thuê phiên dịch (trường hợp thành phố Hà Nội là đơn vị tổ chức hội nghị, hội thảo).

b) Hoạt động tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến du lịch trong nước:

- Tham gia các sự kiện du lịch lớn trong nước như Năm du lịch quốc gia, các sự kiện văn hóa, thể thao lớn.

- Tuyên truyền, quảng bá du lịch trên một số báo, tạp chí có uy tín trong nước: chi phí bài viết, ảnh quảng bá du lịch; chi phí đăng tải lên báo chí. Đơn vị chủ trì Chương trình thanh toán kinh phí cho cơ quan báo chí sau khi trừ tiền hoa hồng (nếu có).

- Tổ chức hội nghị, hội thảo chuyên đề về xúc tiến du lịch nhằm tăng cường sự liên kết giữa các Bộ, ngành, địa phương, vùng, miền; liên kết giữa Nhà nước và doanh nghiệp; tổ chức các hội nghị chuyên đề về phát triển du lịch, xúc tiến du lịch của các tổ chức quốc tế và khu vực nhằm tuyên truyền, quảng bá cho du lịch Hà Nội.

- Xây dựng, thuê, duy trì và bảo dưỡng các biển quảng cáo tầm lớn để quảng bá hình ảnh du lịch Hà Nội tại các khu, điểm du lịch Hà Nội và quốc gia, cửa khẩu quốc tế, tại một số sân ga có lưu lượng khách du lịch lớn, các nút giao thông chính trong các thành phố lớn.

- Phối hợp tổ chức các hội chợ, sự kiện du lịch quốc tế ở trong nước; đón các đoàn lữ hành, báo chí quốc tế:

Đối với nội dung phối hợp tổ chức các hội chợ, sự kiện du lịch quốc tế ở trong nước, nội dung chi bao gồm: Chi phí đi lại, công tác phí, chi phí bảo hiểm cho cán bộ của đơn vị chủ trì Chương trình; Chi phí thuê địa điểm, thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng; Chi phí để tổ chức gian hàng chung của du lịch Hà Nội; Chi phí tổ chức khai mạc: giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng, biểu diễn nghệ thuật (nếu có); Chi phí tổ chức hội nghị, hội thảo: chi phí thuê hội trường, thiết bị, tiệc trà, tài liệu (bao gồm cả chi phí vận chuyển tài liệu); Chi phí tuyên truyền quảng bá cho hoạt động tổ chức hội chợ, sự kiện.

Đối với việc đón các đoàn lữ hành, báo chí quốc tế: nội dung chi tương tự quy định chi tổ chức cho các hãng lữ hành và đơn vị truyền thông, báo chí nước ngoài vào Hà Nội khảo sát điểm đến, sản phẩm và dịch vụ du lịch tại điểm a, khoản 3.3, Mục 3, Phụ lục này.

c) Phát triển marketing điện tử phục vụ xúc tiến quảng bá du lịch:

- Chi xây dựng và duy trì cổng thông tin xúc tiến và giao dịch du lịch;
- Chi xây dựng các ấn phẩm điện tử;
- Chi quảng bá trên các trang mạng xã hội và các hình thức quảng bá khác qua mạng internet: chi thực hiện sản xuất các chương trình, bài viết để quảng bá, chi phí đăng tải, quảng bá trên các trang mạng xã hội và internet;
- Chi xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ quảng bá xúc tiến du lịch qua mạng internet;
- Chi phát triển các tiện ích quảng bá du lịch cho các thiết bị cầm tay (điện thoại di động thông minh, máy tính bảng và các thiết bị khác);
- Chi phát triển các hình thức khác của marketing điện tử phục vụ quảng bá, xúc tiến du lịch.

d) Tổ chức sản xuất ấn phẩm, vật phẩm phục vụ xúc tiến du lịch:

- Lựa chọn, thiết kế mẫu vật phẩm xúc tiến du lịch:

Chi tổ chức các cuộc thi để lựa chọn mẫu vật phẩm xúc tiến du lịch: biên soạn đề thi, bồi dưỡng chấm thi, xét công bố kết quả thi, bồi dưỡng thành viên ban tổ chức, chi giải thưởng và tổ chức trao thưởng;

Chi thuê thiết kế vật phẩm xúc tiến du lịch.

- Chi sản xuất các ấn phẩm, vật phẩm xúc tiến du lịch với nhiều hình thức, chất liệu và ngôn ngữ khác nhau.
- Chi sản xuất phim tư liệu, quảng cáo và các thể loại khác như các chương trình nghệ thuật về du lịch Hà Nội dưới dạng chương trình, băng hình, đĩa hình, thẻ nhớ di động.

3.4. Đối với các chương trình kết hợp chung các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch:

Nội dung và mức chi thực hiện các hoạt động của chương trình sẽ được áp dụng tương ứng theo các nội dung và mức chi của các hoạt động thuộc từng lĩnh vực xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch đã nêu ở trên.

4. Về nguồn kinh phí thực hiện Chương trình:

a) Kinh phí thực hiện Chương trình được hình thành từ các nguồn sau:

- Nguồn kinh phí Chương trình Xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch Thành phố;

- Đóng góp của các tổ chức, doanh nghiệp tham gia Chương trình;

- Tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

- Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định pháp luật.

b) Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí cho Chương trình theo nguyên tắc:

- Kinh phí thực hiện Chương trình được giao cho đơn vị chủ trì tổ chức triển khai Chương trình.

- Hỗ trợ đơn vị tham gia chương trình thông qua đơn vị chủ trì;

- Các đơn vị chủ trì chịu trách nhiệm huy động các nguồn vốn kết hợp với phần ngân sách hỗ trợ để đảm bảo thực hiện Chương trình. Việc huy động các nguồn lực xã hội phải đảm bảo công khai, minh bạch, phù hợp với kế hoạch, chương trình xúc tiến đã được phê duyệt, phù hợp với các quy định pháp luật.

5. Lập, chấp hành và quyết toán kinh phí thực hiện Chương trình:

Việc lập, phê duyệt, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình: Thực hiện theo Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan tại các văn bản pháp luật hiện hành và hướng dẫn của các Bộ, ngành.

PHỤ LỤC 07²²**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; 
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác của đại biểu Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&CN, Nội vụ, Tư pháp, Tài chính;
- Cục KTVB và QLXLVPHC, Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội TP Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ Thành phố;
- Các Ban Đảng Thành ủy, VPTU;
- Các Ban của HĐND Thành phố;
- Các vị Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các VP: Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- Đảng ủy các xã, phường;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Trang TTĐT của Đoàn ĐBQH&HĐND TP;
- Trung tâm TT, DL và CNS Thành phố;
- Lưu: VT.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà nội, ngày 05 tháng 10 năm 2026

CHỦ TỊCH



Phùng Thị Hồng Hà

²² Phụ lục này hết hiệu lực bởi Nghị quyết số 82/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.